

Số: /2021/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan về cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-STNMT ngày 02 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan về cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

1. Quyết định này thay thế:

a) Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

b) Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 2 Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo các Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

2. Bãi bỏ Điều 2 tại Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo các Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, TC, XD, TP;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban đảng, đoàn thể CT-XH;
- Công thông tin Điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Công báo tỉnh; Báo Lạng Sơn,
- Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT_(NNT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu

QUY ĐỊNH

Chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan về cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) và các quy định pháp luật có liên quan về cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

Điều 3. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật Đất đai; hỗ trợ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển tài sản thì được bồi thường một lần như sau:

- Di chuyển trong phạm vi tỉnh: 5.000.000 đồng;
- Di chuyển sang tỉnh khác: 8.000.000 đồng.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại bao gồm cả phần thiệt hại do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt (nếu có), gửi cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai, điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây viết là Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT), thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập dự toán theo thực tế chi phí đã đầu tư vào đất và các văn bản quy định hiện hành để xác định chi phí đã đầu tư vào đất còn lại gửi Sở Tài chính thẩm định, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 5. Bồi thường đất phi nông nghiệp không phải là đất ở và giao đất, thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng thì được bồi thường về đất bằng tiền theo thời hạn sử dụng đất còn lại.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao một ô đất ở tại khu tái định cư, giá đất để tính thu tiền sử dụng đất bằng giá đất quy định tại khu tái định cư đó nhân với hệ số $K=1,2$. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tách hộ.

Điều 6. Quy định về khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có và bồi thường nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình được tính là 20%, nhưng mức bồi thường tối đa không lớn hơn 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

2. Đối với nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành mà không thể áp dụng theo quy định tại Bảng đơn giá xây dựng mới nhà, công trình và vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường gửi cơ quan tài nguyên và môi trường xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Xử lý một số trường hợp cụ thể về nhà, công trình khi Nhà nước thu hồi đất

1. Các công trình cấp điện, cấp thoát nước, cầu dẫn, đường dẫn phục vụ cho nơi ở hoặc sản xuất, kinh doanh của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mà bị phá dỡ, nhưng đã được tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng khắc phục để bảo đảm mục đích sử dụng ban đầu, không gây gián đoạn đến việc sử dụng công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì không được bồi thường, hỗ trợ.

2. Đối với nhà ở, công trình của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất tuy không bị phá dỡ nhưng quá trình thực hiện dự án làm mất lối đi lại, lối thoát nước thì được bồi thường chi phí khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì được bồi thường, hỗ trợ như đối với trường hợp bị phá dỡ toàn bộ nhà, công trình.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220 KV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt,

theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thì được hỗ trợ bằng 35% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại về đất do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

1. Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại một lần do hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định sau:

a) Trường hợp làm hạn chế khả năng sử dụng đất theo chiều cao (đối với nhà ở, công trình đủ điều kiện tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn của công trình) thì được bồi thường bằng tiền một (01) lần theo mức như sau:

- Chỉ xây dựng được nhà, công trình có độ cao xây dựng dưới (<) 4,5 mét: Giá đất tính bồi thường bằng 60% giá đất ở, tính trên diện tích **đất** nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình;

- Chỉ xây dựng được nhà, công trình có độ cao xây dựng từ 4,5 mét đến dưới (<) 8,0 mét: Giá đất tính bồi thường bằng 40% giá đất ở, tính trên diện tích **đất** nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình;

- Chỉ xây dựng được nhà, công trình có độ cao xây dựng từ 8,0 mét đến dưới (<) 11,0 mét: Giá đất tính bồi thường bằng 20% giá đất ở, tính trên diện tích **đất** nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình;

- Chỉ xây dựng được nhà, công trình có chiều cao được phép xây dựng từ 11,0 mét đến dưới (<) 15 mét: Giá đất tính bồi thường bằng 10% giá đất ở, tính trên diện tích **đất** nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình;

- Xây dựng được nhà, công trình có chiều cao từ 15 mét trở lên thì không được bồi thường.

b) Trường hợp hành lang bảo vệ an toàn công trình chiếm dụng khoảng không trên 70% diện tích thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng, thì phần diện tích đất ở còn lại được bồi thường theo quy định tại điểm c Khoản này;

c) Diện tích đất ở, đất phi nông nghiệp có đủ điều kiện được bồi thường về đất trong trường hợp có một phần thửa đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng, quốc phòng, an ninh mà phần diện tích đó không được phép xây dựng, thì được bồi thường bằng 70% giá đất cùng loại đối với diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng;

d) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình mà bị hạn chế khả năng sử dụng thì được bồi thường bằng 30% mức bồi thường theo đơn giá đất thu hồi cùng loại, tính trên diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng.

2. Trường hợp người sử dụng đất đã được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều này, khi Nhà nước thu hồi đất đó thì phải đối trừ giữa giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với giá trị bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất, để trả lại ngân sách Nhà nước.

Điều 10. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được cơ quan quản lý nhà cho phép và phù hợp với quy hoạch. Mức bồi thường được tính bằng 100% giá trị xây dựng mới theo đơn giá xây dựng mới nhà, công trình và vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 11. Phân chia tiền bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện bằng hình thức thỏa thuận giữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đồng quyền sử dụng đất dưới sự chủ trì của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi; trường hợp không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước và người đang sử dụng đất vẫn phải bàn giao đất để thực hiện dự án.

Điều 12. Bồi thường về di chuyển mồ mả theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Đối với việc di chuyển mồ mả không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì người có mồ mả phải di chuyển được bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp. Đơn giá bồi thường cụ thể theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12

năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT

1. Việc hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

c) Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP.

2. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi xét hỗ trợ phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống và sản xuất.

4. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/hộ gia đình.

5. Hỗ trợ cho người lao động do ngừng việc

Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP có đăng ký kinh doanh, có thuê lao động theo hợp đồng lao động, khi Nhà nước thu hồi đất bị ngừng sản xuất kinh doanh thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động. Đối

tượng được hỗ trợ là người lao động có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật tại thời điểm có thông báo thu hồi đất. Thời gian hỗ trợ ngừng việc được tính theo thời gian thực tế bị ngừng việc nhưng tối đa không quá 6 tháng, trong đó mức hỗ trợ cho một tháng bằng 70% lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động ngừng việc (không thấp hơn mức lương tối thiểu). Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án hỗ trợ cho từng dự án cụ thể trên cơ sở tờ trình và văn bản thẩm định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Lạng Sơn phê duyệt phương án hỗ trợ cho từng dự án cụ thể trên cơ sở tờ trình và văn bản thẩm định của Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc (đối với các huyện), Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội (đối với thành phố Lạng Sơn).

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP

1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT:

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp) quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

Hỗ trợ bằng tiền từ 1 đến 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại quy định trong bảng giá đất của tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương. Cụ thể, đất nông nghiệp bị thu hồi, bao gồm: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông

nghiệp khác được hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại; đất rừng sản xuất bị thu hồi tại thị trấn thuộc huyện và phường, xã thuộc thành phố Lạng Sơn được hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất rừng sản xuất; đất rừng sản xuất bị thu hồi tại các xã thuộc huyện được hỗ trợ bằng 1 lần giá đất rừng sản xuất.

2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi theo quy định còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg.

b) Kinh phí hỗ trợ: được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

c) Thời hạn hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án hỗ trợ cho từng dự án cụ thể trên cơ sở tờ trình và văn bản thẩm định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Lạng Sơn phê duyệt phương án hỗ trợ cho từng dự án cụ thể trên cơ sở tờ trình và văn bản thẩm định của Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc (đối với các huyện), Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội (đối với thành phố Lạng Sơn).

Điều 15. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Người bị thu hồi đất ở đủ điều kiện bồi thường về đất ở, nhà ở mà tự lo chỗ ở, không nhận đất tái định cư hoặc địa phương chưa có quỹ đất tái định cư thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư như sau:

1. Đối với các xã, phường thuộc thành phố Lạng Sơn: 100.000.000 đồng/suất tái định cư.

2. Đối với thị trấn: 80.000.000 đồng/suất tái định cư.

3. Đối với các xã: 60.000.000 đồng/suất tái định cư.

Điều 16. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn quản lý thì được hỗ trợ bằng 100% giá đất cùng loại với đất bị thu hồi.

Điều 17. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

1. Hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và sống bằng nguồn thu nhập ổn định từ đất nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản), ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ về đất còn được hỗ trợ bằng tiền từ 1 đến 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại quy định trong bảng giá đất của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi tại phường, xã thuộc thành phố Lạng Sơn: Mức hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp.

b) Đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi tại thị trấn thuộc các huyện: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp.

c) Đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi tại các xã thuộc các huyện: Mức hỗ trợ bằng 1 lần giá đất nông nghiệp.

2. Người bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được hỗ trợ một lần tiền thuê nhà ở, cụ thể như sau:

- Nhà tạm, nhà khác: 3.000.000 đồng;
- Nhà loại 3: 4.000.000 đồng;
- Nhà loại 2: 5.000.000 đồng;
- Nhà loại 1: 6.000.000 đồng.

Mức hỗ trợ tiền thuê nhà theo loại nhà thực tế bị thiệt hại; trường hợp hộ gia đình có nhiều loại nhà khác nhau bị thiệt hại thì được xác định theo mức hỗ trợ cao nhất.

3. Hỗ trợ 01 vụ (một vụ) hoa màu trong thời gian chờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp bị thu hồi đất lúa, đất trồng cây hàng năm khác nhưng tại thời điểm kiểm đếm là đất trống, như sau:

a) Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác mà tại thời điểm kiểm đếm không có cây trồng trên đất thì được tính hỗ trợ 01 (một) vụ hoa màu;

b) Điều kiện được tính hỗ trợ: Diện tích được hỗ trợ khác phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận canh tác liên tục trong thời gian 12 tháng **liền kề** trước thời điểm kiểm đếm;

c) Mức hỗ trợ:

- Khi Nhà nước thu hồi đất trồng lúa mà tại thời điểm kiểm đếm không có cây trồng trên đất, thì được hỗ trợ 01 vụ lúa. Đơn giá tính hỗ trợ theo đơn giá cây lúa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ.

- Khi Nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác mà tại thời điểm kiểm đếm không có cây trồng trên đất, thì được hỗ trợ 01 vụ hoa màu. Đơn giá tính hỗ trợ theo đơn giá cây Ngô do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ.

4. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Quy định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống và sản xuất cho người bị thu hồi đất theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 18. Quy định về suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

1. Diện tích suất đất tái định cư tối thiểu đối với các xã, phường thuộc thành phố Lạng Sơn, thị trấn huyện lỵ và thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc là 60m²; các xã, thị trấn còn lại là 100m².

2. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho một suất tái định cư tối thiểu như sau:

a) Đối với các xã, phường thuộc thành phố Lạng Sơn, thị trấn huyện lỵ và thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc:

$$\text{Giá trị một suất tái định cư tối thiểu} = \text{Giá giao đất tại vị trí khu tái định cư đó} \times 60\text{m}^2$$

b) Đối với các xã, thị trấn còn lại:

$$\text{Giá trị một suất tái định cư tối thiểu} = \text{Giá giao đất tại vị trí khu tái định cư đó} \times 100\text{m}^2$$

3. Người có đất ở bị thu hồi được bố trí tái định cư mà số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất ở không đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này thì được Nhà nước hỗ trợ khoản tiền chênh lệch đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu, như sau:

$$\text{Số tiền được Nhà nước hỗ trợ đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu} = \text{Giá trị một suất tái định cư tối thiểu} - \text{Số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất ở}$$

Điều 19. Quy định về giao đất, thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư

1. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định thì được Nhà nước giao đất tái định cư, thu tiền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi bằng hoặc lớn hơn diện tích đất tái định cư được giao thì thu tiền sử dụng đất bằng giá đất quy định tại khu tái định cư đó nhân với hệ số $K = 1,0$.

b) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích đất tái định cư được giao thì phần diện tích đất tăng thêm thu tiền sử dụng đất bằng giá đất quy định tại khu tái định cư đó nhân với hệ số $K = 1,5$.

2. Trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được giao đất tái định cư, nếu được Nhà nước hỗ trợ giao đất tại khu tái định cư thì giá thu tiền sử dụng đất bằng giá đất quy định tại khu tái định cư đó nhân với hệ số $K = 1,2$.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không bị thu hồi đất nhưng được xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất, khi được Nhà nước giao đất tại khu tái định cư thì giá thu tiền sử dụng đất bằng giá đất quy định tại khu tái định cư đó nhân với hệ số $K = 1,5$.

4. Chỉ giao đất cho các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền khi có sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm Tổ chức phát triển quỹ đất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu tổ chức phát triển quỹ đất làm Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm:

1. Trưởng hoặc Phó các Phòng: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế); Kinh tế và Hạ tầng (Phòng Quản lý đô thị).

2. Chủ đầu tư.

3. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi.

4. Mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5. Đại diện của những hộ gia đình bị thu hồi đất và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương **và phù hợp** từng dự án.

Điều 21. Phân cấp thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện giải phóng mặt bằng đúng quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương hàng năm theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi:

a) Tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án;

b) Xác nhận trong hồ sơ đo đạc, kiểm đếm để làm cơ sở cho việc lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Xác nhận về nhân khẩu, hộ khẩu, việc cư trú của hộ gia đình, cá nhân, nguồn sống và thu nhập ổn định từ đất nông nghiệp;

d) Xác nhận thời điểm bắt đầu sử dụng đất; mục đích sử dụng đất; thời điểm tạo lập nhà ở và tài sản khác có trên đất theo từng mốc thời gian trước và sau các thời điểm: ngày 18 tháng 12 năm 1980, ngày 15 tháng 10 năm 1993, ngày 01 tháng 7 năm 2004; có hay không có đất ở, nhà ở khác trên cùng địa bàn phường, xã, thị trấn nơi có đất thu hồi;

đ) Tổ chức các cuộc họp cần thiết tại phường, xã, thị trấn với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án;

e) Phối hợp với chủ đầu tư phổ biến kế hoạch khảo sát, đo đạc cho người sử dụng đất trong khu vực dự án và yêu cầu người sử dụng đất tạo điều kiện để chủ đầu tư thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất để lập dự án đầu tư;

g) Giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo thẩm quyền;

h) Xác nhận thời điểm canh tác liên tục trong thời gian 12 tháng **liền kề** trước thời điểm kiểm đếm đối với diện tích đất lúa, đất trồng cây hàng năm khác tại thời điểm kiểm đếm không có cây trồng trên đất.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định đơn giá bồi thường nhà cửa, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định;

b) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền về chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án;

c) Hướng dẫn thực hiện lập và thanh quyết toán chi phí cho công tác thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các khoản tài chính khác có liên quan.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì xây dựng bảng giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý những vướng mắc về việc xác định giá nhà, công trình xây dựng khác để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức năng nhiệm vụ được giao.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Theo dõi, tổng hợp và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; kết quả giao đất tại khu tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn từng huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổng hợp, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

7. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

a) Đề xuất các phương án đào tạo chuyển đổi nghề cho các đối tượng trong độ tuổi lao động bị thu hồi đất;

b) Hướng dẫn nội dung, trình tự, thủ tục lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương. Thẩm định phương án đào tạo, chuyển đổi nghề đã được lập và trình phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; lấy ý kiến của người bị thu hồi đất thuộc đối tượng chuyển đổi nghề;

c) Hướng dẫn thực hiện việc hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm đối với người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quy định về mật độ trồng các loại cây lâu năm để xác định số lượng cây được bồi thường, hỗ trợ phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành;

b) Chủ trì xây dựng đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn xử lý những vướng mắc về việc xác định giá cây trồng, vật nuôi để bồi thường, hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Ban Dân tộc tỉnh:

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển và các văn bản có liên quan khác, chủ động hướng dẫn việc xác định địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn để thống nhất áp dụng.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

2. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chậm do lỗi cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra:

a) Nếu phương án bồi thường áp dụng theo Quy định này có lợi hơn so với phương án bồi thường tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì được tính toán lại phương án bồi thường theo Quy định này;

b) Nếu phương án bồi thường áp dụng theo Quy định này không có lợi so với phương án bồi thường tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì được thực hiện theo phương án bồi thường được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

3. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chậm do người bị thu hồi đất gây ra:

a) Nếu phương án bồi thường áp dụng theo Quy định này có lợi hơn so với phương án bồi thường tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì thực hiện theo phương án bồi thường tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường;

b) Nếu phương án bồi thường áp dụng tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường có lợi hơn phương án bồi thường áp dụng theo Quy định này thì thực hiện theo phương án bồi thường áp dụng theo Quy định này.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung./.

**DANH MỤC HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ,
TÁI ĐỊNH CƯ TRÌNH THẨM ĐỊNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Nội dung hồ sơ
1	Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền, Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án.
2	Trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất thu hồi (bản chính).
3	Bản sao Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).
4	Biên bản họp xét, thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Biên bản phải được ghi chi tiết đối với từng lĩnh vực: đất đai, nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi và các khoản hỗ trợ của từng hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức).
5	Biên bản kiểm kê về: đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án có đầy đủ các thành phần bắt buộc tham gia và ký, đóng dấu theo thẩm quyền.
6	Các loại giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 100 Luật Đất đai; Biên bản xác minh hiện trạng nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất đai vào mục đích chính (nếu có).
7	Văn bản đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
8	Thuyết minh cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
9	Biểu tổng hợp phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
10	Biểu chi tiết tính toán, áp giá bồi thường về đất.
11	Biểu chi tiết tính toán các hạng mục công trình nhà cửa, vật kiến trúc trên đất; Biên bản xác định giá trị còn lại của công trình (nếu có).
12	Biểu chi tiết tính toán bồi thường cây trồng, vật nuôi.
13	Biểu chi tiết tính toán các khoản hỗ trợ về đất và hỗ trợ khác.
14	Biểu chi tiết tính toán thu nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có).
15	Biểu xác nhận số nhân khẩu, tỷ lệ % mất đất của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có).
16	Giấy xác nhận về nguồn sống và thu nhập chủ yếu từ đất nông nghiệp (nếu có).
17	Biên bản về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Biên bản kết thúc việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (kèm theo báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp và xử lý sau niêm yết công khai)./.